

Số: /BC-HĐND

Cao Bằng, ngày tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO

**Thẩm tra tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022;
Phương hướng, nhiệm vụ năm 2023 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng trình kỳ họp
thứ 11 HĐND tỉnh khóa XVII, nhiệm kỳ 2021 -2026**
(Thuộc lĩnh vực dân tộc)

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo Luật định và sự phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh. Ngày 25/11/2022, Ban Dân tộc HĐND tỉnh đã tiến hành thẩm tra báo cáo Tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022, phương hướng nhiệm vụ năm 2023 (*lĩnh vực dân tộc*) trình kỳ họp thứ 11 HĐND tỉnh khóa XVII, nhiệm kỳ 2021 -2026.

Qua xem xét Báo cáo số 2960/BC-UBND ngày 14/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022, phương hướng, nhiệm vụ năm 2023 về lĩnh vực dân tộc; ý kiến thảo luận của các đại biểu dự họp. Ban Dân tộc HĐND tỉnh báo cáo kết quả thẩm tra, cụ thể như sau:

I. TÌNH HÌNH CÔNG TÁC DÂN TỘC VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI ĐỐI VỚI ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

1. Tình hình công tác dân tộc

Năm 2022, công tác dân tộc và chính sách dân tộc luôn được các cấp, các ngành quan tâm, chỉ đạo thực hiện. Các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội, xử lý những vấn đề quan trọng, phát sinh, nhất là trong việc phòng, chống, giảm thiểu tác động của đại dịch Covid-19, phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội thực hiện “mục tiêu kép” đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số được triển khai, thực hiện đồng bộ. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội tiếp tục được đầu tư xây dựng, tập trung nguồn lực hỗ trợ phát triển sản xuất, một số chỉ tiêu lĩnh vực nông nghiệp được thực hiện ước đạt và vượt kế hoạch như: Tổng sản lượng lương thực ước đạt 291,5 nghìn tấn, đạt 104,5% KH; so với cùng kỳ 2021 bằng 100,5%; giá trị sản phẩm trồng trọt, nuôi trồng thủy sản trên một đơn vị diện tích ước đạt 44 triệu đồng/ha, đạt 100% KH; tỷ lệ dân số được sử dụng nước hợp vệ sinh ước đạt trên 92%, đạt 100% KH; các cây trồng chính có giá trị kinh tế cao đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch như cây lúa xuân, ngô đông xuân, các loại cây trồng sinh trưởng, phát triển tốt; giảm nghèo ở các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn gắn với xây dựng nông thôn mới. Hỗ trợ người nghèo tiếp cận với các dịch vụ xã hội cơ bản¹; phát triển giáo dục, đào tạo từng bước

¹ Kết quả đạt được cụ thể: giải quyết cho 9.956 lượt hộ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo vay vốn; cấp 376.895 thẻ bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ nghèo, người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại vùng kinh tế xã hội

đáp ứng nhu cầu học tập của con em đồng bào dân tộc thiểu số². Công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân được quan tâm. Công tác bảo tồn, gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của các dân tộc thiểu số được chú trọng³. Hạ tầng cơ sở thông tin từng bước phục vụ tốt hơn, đáp ứng nhu cầu thông tin, liên lạc. Các chính sách đảm bảo an sinh xã hội được thực hiện kịp thời⁴. An ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội vùng dân tộc thiểu số cơ bản đảm bảo, ổn định, đồng bào các dân tộc thiểu số chấp hành nghiêm chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, tin tưởng vào sự lãnh đạo của các cấp ủy, chính quyền⁵.

Bên cạnh những kết quả đạt được, Ban Dân tộc HĐND tỉnh nhận thấy: Đời sống vật chất, tinh thần ở một số địa phương vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn chậm phát triển, thu nhập bình quân đầu người thấp, chất lượng nguồn nhân lực trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số chưa cao; hạ tầng giao thông còn nhiều khó khăn; chất lượng giảm nghèo chưa thật sự bền vững; Kết quả thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới⁶; chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi còn chậm, chưa có nhiều chuyển biến; sản xuất nông nghiệp tiếp tục đối mặt với chi phí đầu vào, thức ăn chăn nuôi tăng cao, giá xăng dầu, nguyên vật liệu, phân bón tăng cao... ảnh hưởng đến đời sống người dân; Tình hình tội phạm hình sự, ma túy, môi trường vẫn diễn ra, xuất hiện vụ việc có tính chất nghiêm trọng; Tình hình xuất nhập cảnh trái phép vẫn còn tiếp diễn, hoạt động tổ chức bất hợp pháp Dương Văn Minh vẫn tiềm ẩn nguy cơ gây mất ANTT trong vùng đồng bào DTTS.

khó khăn, người đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, đối tượng bảo trợ xã hội, người thuộc hộ cận nghèo; hỗ trợ tiền điện cho 45.899 hộ nghèo, hộ chính sách xã hội.

² Trên địa bàn toàn tỉnh có 3.125 học sinh dân tộc nội trú được hưởng chính sách hỗ trợ theo Thông tư liên tịch số 109/2009/TTLT/BTC-BGDĐT ngày 29/5/2009 liên Bộ Tài chính và Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trong đó, học sinh Trường Phổ thông dân tộc nội trú (PTDNT) tỉnh là 394 em, học sinh các Trường PTDNT huyện là 2.731 em.

³ UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch triển khai Đề án “Bảo tồn, phát huy trang phục truyền thống các dân tộc thiểu số Việt Nam trong giai đoạn hiện nay” trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2022. Kế hoạch thực hiện Đề án “Bảo tồn, phát huy giá trị dân ca, dân vũ, dân nhạc của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch giai đoạn 2022 - 2030”; triển khai đề tài “Nghiên cứu, bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa người Lô Lô Đen tỉnh Cao Bằng” năm 2022. Phê duyệt Đề án Bảo vệ và phát huy giá trị các di sản văn hóa phi vật thể trong Danh mục di sản văn hóa phi vật thể Quốc gia và Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021 - 2025. Tổ chức Lễ đón nhận Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia Lễ hội Tranh đầu pháo, thị trấn Quảng Uyên, huyện Quảng Hòa. Tổ chức Lễ đón bằng công nhận Di tích Quốc gia: Địa điểm Đài tiếng nói Việt Nam tại hang Ngườm Chiêng và Di tích Mất thân núi; Tổ chức Lễ đón nhận bằng công nhận xếp hạng di tích cấp tỉnh (di tích Dinh thự dòng họ Nông, thị trấn Bảo Lạc, huyện Bảo Lạc; Bia chùa Tổng Phườn, xã Nam Quang, huyện Bảo Lâm).

⁴ Đối tượng đang hưởng trợ cấp xã hội thường xuyên hàng tháng tại cộng đồng, toàn tỉnh hiện có 27.853 người, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội 235 người; trợ cấp mai táng phí cho 515 trường hợp, trợ cấp đột xuất cho 103 trường hợp, cấp phát gạo cứu đói dịp tết Nguyên đán và cứu đói giáp hạt cho 27.606 hộ, 114.535 khẩu, 1.718,025 tấn gạo; trao 33 thiệp mừng thọ cho các cụ tròn 100 tuổi; Tổ chức 9 cuộc hội nghị tập huấn tuyên truyền về công tác bảo trợ xã hội với 779 người tham dự. Khám sàng lọc cho 216 người khuyết tật vận động, được chỉ định phẫu thuật phục hồi chức năng và cấp dụng cụ chỉnh hình 49 người.

⁵ Tổ chức triển khai đồng bộ các biện pháp nắm chắc tình hình liên quan đến an ninh, trật tự vùng DTTS. Các cơ quan chức năng đã phối hợp với Ban Chỉ đạo Phong trào “Toàn dân tham gia bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia trong tình hình mới” các huyện biên giới chỉ đạo cấp ủy, chính quyền các xã, thị trấn biên giới rà soát, củng cố, kiện toàn 393 tổ/4.806 thành viên tham gia tự quản giữ gìn an ninh, trật tự và 119 tổ/7.927 hộ gia đình tham gia tự quản đường biên, mốc quốc giới...

⁶ Kết quả thực hiện Bộ tiêu chí Quốc gia về NTM: Đến tháng 7/2022, Số xã đạt 19 tiêu chí: 17/139 xã (chiếm 12,2% tổng số xã trên toàn tỉnh); Bình quân tiêu chí/xã toàn tỉnh ước đạt 11,63 tiêu chí/xã. Năm 2022, tỉnh không có thêm xã nào đạt chuẩn nông thôn mới.

2. Kết quả thực hiện các chính sách của Nhà nước đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số

2.1. Ưu điểm

Trong năm, các cấp, các ngành đã tích cực triển khai thực hiện các chính sách của Trung ương, của tỉnh, các chương trình, dự án đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Thực hiện Quyết định số 1719/QĐ-TTg, ngày 14-10-2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025, đã được cả hệ thống chính trị của tỉnh vào cuộc chỉ đạo thực hiện quyết liệt. Tỉnh ủy đã ban hành Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 09/6/2022 của Ban Chấp hành đảng bộ tỉnh Cao Bằng về lãnh đạo thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025; Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành 03 nghị quyết⁷; UBND tỉnh đã chủ động ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, cơ chế quản lý triển khai thực hiện chương trình; thành lập Ban Chỉ đạo và Tổ giúp việc thực hiện chương trình; Rà soát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ các cấp thực hiện chương trình MTQG năm 2022. Đến nay, đã thành lập 10/10 Ban Chỉ đạo thực hiện chương trình MTQG cấp huyện và Thành phố. Đây là cơ sở cho các cấp, các ngành và đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh lập kế hoạch trung hạn và hàng năm, với sự chủ động, linh hoạt, tỉnh đã xác định được các nội dung, nhiệm vụ, giải pháp cần triển khai trong giai đoạn 2021 - 2025; trong đó tập trung xác định phạm vi, đối tượng thụ hưởng các dự án, tiểu dự án và dự kiến nhu cầu nguồn vốn để triển khai thực hiện Chương trình.

UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch triển khai, thực hiện Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030 và triển khai, thực hiện các chương trình, đề án, dự án đối với vùng dân tộc thiểu số và miền núi; chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số; tổ chức thực hiện hiệu quả các đề án như: Hỗ trợ hoạt động bình đẳng giới vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2018 - 2025 theo Quyết định số 1898/QĐ-TTg ngày 28/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ, tổ chức 6 Hội nghị tập huấn về công tác bình đẳng giới năm 2022 tại 5 huyện: Hòa An, Thạch An, Hà Quảng, Nguyên Bình, Hạ Lang nhằm tạo bước chuyển biến về nhận thức và hành động, từng bước thay đổi hành vi thực hiện bình đẳng giới từ cấp cơ sở, thu hẹp khoảng cách giới và nâng vị thế của người phụ nữ nói chung và phụ nữ DTTS nói

⁷ - Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 25/5/2022 của HĐND tỉnh Cao Bằng Ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn 1: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

- Nghị quyết số 28/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 về việc phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

- Nghị quyết số 29/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 về việc phân bổ vốn ngân sách nhà nước năm 2022 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

riêng, góp phần thực hiện thành công các mục tiêu, chỉ tiêu của Chiến lược Quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021 - 2030.

Thực hiện đề án tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số theo Quyết định số 1163/QĐ-TTg ngày 08/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ; đề án "Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2015 - 2025" theo Quyết định số 498/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Triển khai Đề án "Bồi dưỡng kiến thức dân tộc đối với cán bộ công chức, viên chức giai đoạn 2018 - 2025" theo Quyết định số 771/QĐ-TTg ngày 26/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ nhằm nâng cao, cập nhật kiến thức dân tộc, văn hóa DTTS, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ công chức, viên chức làm công tác dân tộc.

Tuyên truyền chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về thực hiện công tác, phòng chống dịch Covid-19 theo đúng chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo Quốc gia về phòng, chống dịch Covid19... Thường xuyên nắm tình hình, quản lý địa bàn liên quan đến các hoạt động tôn giáo ở cơ sở, giữ vững an ninh trật tự, ổn định và cải thiện đời sống cho đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn.

2.2. Hạn chế

- Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS) và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg có nội dung cơ bản được tích hợp từ hơn 100 chính sách cụ thể của giai đoạn 2016-2020, kết hợp với một số chính sách mới được thiết kế thành tổng cộng 10 dự án, 14 tiểu dự án với 36 nội dung chính sách thành phần do 23 bộ, ngành tham gia quản lý và tổ chức triển khai thực hiện. Vì vậy cần nhiều các văn bản hướng dẫn, nhiều cuộc khảo sát đánh giá thực trạng của các địa phương để làm cơ sở tổ chức triển khai thực hiện. Từ thực tế đó dẫn đến Trung ương ban hành các văn bản hướng dẫn chưa kịp thời và đầy đủ, một số Bộ, ngành chưa có văn bản hướng dẫn tổ chức triển khai thực hiện.

- Việc phân bổ nguồn vốn chậm; công tác giải ngân thực hiện trong thời gian ngắn với khối lượng công việc lớn, do đó tình gặp nhiều khó khăn trong việc phải hoàn thành kế hoạch giải ngân trong năm 2022⁸; Bộ Tài chính quyết định phân vốn sự nghiệp năm 2022 cho các địa phương theo từng lĩnh vực (y tế, giáo dục, văn hoá,

⁸ Cụ thể như:

+ **Dự án 5:** Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc: **6.220** triệu đồng. Kết quả giải ngân: 2.558,256 triệu đồng/6.220 triệu đồng, đạt 41,13%.

+ **Dự án 9:** Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn. Tiểu DA 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: **1.040** triệu đồng. Kết quả giải ngân: 277,983.360 triệu đồng/1.040 triệu đồng, đạt 26,73%.

+ **Dự án 10:** Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, đánh giá, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình

Tiểu DA 2. Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: **146** triệu đồng. Hiện nay chưa có thông tư của các Bộ ngành, vì vậy chưa thể triển khai.

Tiểu DA 3. Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình: **383** triệu đồng. Kết quả giải ngân: 45,558.890 triệu đồng/383 triệu đồng, đạt 11,9%.

hoạt động kinh tế...), nhưng nhiều nội dung chưa phù hợp với nhiệm vụ chi của địa phương.

- Nguồn vốn sự nghiệp của chương trình mới được giao năm 2022, chưa giao cả giai đoạn 2021-2025 nên địa phương gặp nhiều khó khăn về xây dựng các dự án sử dụng vốn sự nghiệp thực hiện chương trình, nhất là việc lựa chọn, xác định các dự án thực hiện có thời gian thực hiện trong nhiều năm.

- Thời hạn yêu cầu UBND các tỉnh, thành phố phân bổ, giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2021-2025, dự toán thực hiện năm 2022 và xây dựng, ban hành kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 thuộc phạm vi quản lý trước ngày 1/7/2022 theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP của Chính phủ là gấp rút trong khi hệ thống văn bản của cấp Trung ương chưa đầy đủ, dẫn đến khó khăn, bất cập cho địa phương trong công tác lập, giao kế hoạch theo quy trình...

- Đối với các thôn, xã đặc biệt khó khăn thuộc vùng DTTS và miền núi giai đoạn 2016 - 2020 đến nay không còn thuộc diện đặc biệt khó khăn (ĐBK) tại Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Ủy ban Dân tộc và các xã đạt chuẩn nông thôn mới đã tác động lớn đến việc tiếp tục được thụ hưởng các chính sách an sinh xã hội của đồng bào DTTS: hỗ trợ cấp thẻ BHYT, hỗ trợ tiền ăn, chi phí học tập đối với học sinh là người dân tộc thiểu số,... tuy nhiên tỷ lệ hộ nghèo tại một số xã đạt chuẩn nông thôn mới tại khu vực vùng cao, miền núi còn khá cao (bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 quy định xã đạt chuẩn NTM vùng trung du miền núi phía Bắc về tỷ lệ hộ nghèo đa chiều là < 12%).

- Nguồn kinh phí hỗ trợ cho Chương trình xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn tỉnh chưa kịp thời, chưa đáp ứng được nhu cầu của người dân; do sắp xếp lại trạm y tế xã theo đơn vị hành chính cấp xã (*hiện nay không có văn bản quy định được phép duy trì 02 trạm y tế/xã*) nên các trạm y tế xã ở các địa phương thực hiện sáp nhập không được phép hoạt động, do đó đã ảnh hưởng đến việc cung cấp dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân.

- Chương trình bố trí ổn định dân cư: Văn bản thực hiện chương trình đã hết hiệu lực từ năm 2020 trong khi đó văn bản hướng dẫn trong giai đoạn 2021 - 2025 của Trung ương ban hành muộn (ngày 18/5/2022 Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định phê duyệt Chương trình bố trí ổn định dân cư giai đoạn 2021 - 2025). Bên cạnh đó nguồn lực về vốn để thực hiện công tác bố trí ổn định dân cư chưa đáp ứng nhu cầu, kế hoạch thực hiện.

- Tình trạng tảo hôn có giảm nhưng vẫn còn diễn ra trên địa bàn các huyện, các xã, trong đó tập trung nhiều ở các xã vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số (*tính đến tháng 11 năm 2022, trên địa bàn tỉnh phát sinh 100 cặp tảo hôn, xảy ra tại huyện Hà Quảng và huyện Bảo Lạc (Bảo Lạc: 52 cặp; Hà Quảng: 48 cặp; năm 2021 là 210 cặp)*). Các cấp chính quyền địa phương còn gặp nhiều khó khăn trong công tác tuyên truyền, vận động, thuyết phục các cặp tảo hôn chấm dứt quan hệ hôn nhân trái pháp luật.

- Trong năm 2022, trên địa bàn tỉnh phát sinh 20 hộ (101 khẩu) đồng bào dân

tộc Mông, Dao tại huyện Bảo Lạc di cư tự do vào các tỉnh Gia Lai, Đắk Lắk, Lạng Sơn, Hà Giang.

- Chương trình cấp điện, cải tạo và nâng cấp lưới điện nông thôn: Trên địa bàn tỉnh hiện nay còn **8.524** hộ chưa có điện, trong đó số hộ dân nông thôn chưa có điện là 8.504 hộ.

- Đối với nước sinh hoạt: Hiện nay, nguồn nước sử dụng để cấp cho các công trình nước sinh hoạt ở Cao Bằng chủ yếu là các mạch xuất lộ, các mỏ nước và một số lấy tại các hồ thăm thấu, thiết kế theo hình thức lọc thô đảm bảo nước hợp vệ sinh, cơ bản các công trình chưa được đầu tư hệ thống khử khuẩn để đảm bảo theo Quy chuẩn nước sạch do Bộ Y tế ban hành. Theo số liệu thống kê, tỉnh Cao Bằng hiện có 1.332 công trình cấp nước tập trung được đầu tư hoàn chỉnh theo tiêu chí quy định, tuy nhiên theo đánh giá thì chỉ có 75 công trình hoạt động bền vững, 909 công trình tương đối bền vững, 193 công trình hoạt động kém hiệu quả và 155 công trình không hoạt động.

- Chế độ, chính sách đối với học sinh, giáo viên Trường PTDTNT:

+ Chính sách đối với học sinh Trường phổ thông dân tộc nội trú thực hiện theo Thông tư Liên tịch số 109/2009/TT-BTC-BGDĐT đến nay một số nội dung quy định về chế độ tài chính đối với học sinh các Trường phổ thông dân tộc nội trú và các trường dự bị đại học dân tộc đã không phù hợp: chế độ học bổng, đồ dùng cá nhân, tiền tàu xe, mức chi cho ngày Tết Nguyên đán, Tết dân tộc...

+ Đối với cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, chưa có quy định, hướng dẫn cụ thể về chế độ, chính sách đối với giáo viên kiêm nhiệm công tác quản lý học sinh nội trú và nhân viên y tế học đường công tác tại các trường PTDTNT; bên cạnh đó, giáo viên phụ trách Đội tại các trường PTDTNT không được hưởng phụ cấp trách nhiệm công tác Đội do đã được hưởng phụ cấp trách nhiệm đối với giáo viên trường PTDTNT; Chưa có quy định hướng dẫn cụ thể về nhân viên phục vụ trong trường DTNT. Hiện nay, các trường DTNT chủ yếu đang hợp đồng nhân viên nấu ăn theo thời vụ, tiền công thấp.

+ Về chính sách thu hút: Tại Điều 8, Nghị định số 61/2006/NĐ-CP ngày 20/6/2006 của Chính phủ về chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục công tác ở trường chuyên biệt ở vùng có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn, quy định thời gian hưởng phụ cấp thu hút không quá 5 năm. Việc quy định thời gian như vậy chưa thu hút được những giáo viên muốn cống hiến lâu năm tại vùng có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn.

- Công tác theo dõi, kiểm tra, đôn đốc thực hiện các chương trình, dự án, chính sách trong vùng đồng bào DTTS ở một số địa phương có lúc, có nơi chưa kịp thời. Sự phối hợp giữa các cấp, các ngành, địa phương trong triển khai, thực hiện một số nội dung Nghị quyết và Chính sách dân tộc chưa chặt chẽ, thiếu đồng bộ. Công tác tuyên truyền, quán triệt các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước có lúc, có việc chưa được thực hiện thường xuyên, liên tục, kết quả còn hạn chế.

3. Kiến nghị

- UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo các Sở, ngành, UBND huyện, Thành phố thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội vùng

đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 (giai đoạn I: 2021 - 2025): Bảo đảm nguyên tắc đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững, tập trung cho các xã, thôn, bản khó khăn nhất, giải quyết các vấn đề bức xúc, cấp bách nhất; ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo, các nhóm DTTS khó khăn nhất; công khai, dân chủ, phát huy quyền làm chủ và sự tham gia tích cực, chủ động của cộng đồng và người dân; phát huy tinh thần nỗ lực vươn lên của đồng bào DTTS; đảm bảo toàn diện, hài hòa giữa các nội dung về phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội;

- Đề nghị tỉnh nghiên cứu cho chủ trương xây dựng chính sách để hỗ trợ cho đối tượng học sinh không còn chế độ khi các xã chuyển từ khu vực III, khu vực II sang khu vực I trong khi đời sống của người dân ở các xã này còn nhiều khó khăn. Đối với Chính sách vay vốn sản xuất kinh doanh, đề nghị tỉnh bổ sung nguồn vốn ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay trên địa bàn các xã bị tác động trong giai đoạn 2021-2023 nhằm bù đắp phần thiếu hụt nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, phát triển kinh tế do thay đổi cơ chế chính sách. Với chính sách về bảo hiểm y tế, đề nghị tỉnh kiến nghị với Chính phủ hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho các đối tượng người dân tộc thiểu số sinh sống ở các xã khu vực chịu ảnh hưởng; Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, giải thích đến các hộ gia đình và người dân chịu tác động trực tiếp của điều chỉnh chính sách. Bên cạnh đó, huy động các nguồn lực nhằm hỗ trợ thêm kinh phí cho người DTTS, người sinh sống tại vùng có điều kiện KT-XH khó khăn, ĐBKK thuộc hộ gia đình cận nghèo, người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp...;

- Đề nghị UBND tỉnh quan tâm bố trí ngân sách đầu tư xây dựng các công trình nước sạch ở các xã vùng cao của huyện Hà Quảng, Bảo Lạc và một số xóm khó khăn về nước trên địa bàn tỉnh. Chỉ đạo ngành Nông nghiệp, các địa phương tập trung triển khai các giải pháp, hoạt động nâng cao năng lực quản lý vận hành, cải tạo sửa chữa công trình kém bền vững, không hoạt động. Trung tâm nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Cao Bằng tiếp tục tập trung nâng cao chất lượng nguồn nước, để nâng cao tỷ lệ người dân được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh. Đồng thời, tận dụng nguồn vốn của các nhà tài trợ cũng như các tổ chức để đầu tư nâng cấp, cải tạo các công trình nước sạch trên địa bàn tỉnh Cao Bằng. Sử dụng lồng ghép nguồn vốn sự nghiệp để tập huấn, đào tạo cũng như nâng cao hiệu quả của các tổ quản lý vận hành có điều kiện để nâng cao trình độ về sửa chữa nhỏ, quản lý vận hành các công trình đạt chất lượng.

- Chỉ đạo các ban ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố làm tốt công tác phối hợp trong triển khai thực hiện Đề án và tăng cường công tác tuyên truyền đến tận các thôn, bản, các vùng có tỷ lệ và nguy cơ tảo hôn cao, vận động nhân dân, đồng bào dân tộc thiểu số chấp hành nghiêm túc Luật hôn nhân và gia đình; tuyên truyền về tác hại của việc tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống. Chỉ đạo Ban Dân tộc tỉnh, UBND các huyện, thành phố lựa chọn các hình thức tuyên truyền hiệu quả nhất để nêu bật lên tác hại, hậu quả của tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống;

- Đối với Chương trình xóa nhà tạm, nhà dột nát: Đề nghị tỉnh có những giải pháp cấp thiết để tập trung nguồn vốn, bố trí kinh phí cho các hộ đã sửa nhà, làm

nhà; Thống nhất giãn tiến độ triển khai thực hiện, nguồn xã hội hóa theo thứ tự ưu tiên: hỗ trợ các đối tượng không nằm trong các chương trình; đưa vào đối ứng cho địa phương theo từng năm hoặc tạm ứng cho các hộ đã làm nhà xong; tiếp tục tuyên truyền, phổ biến, thực hiện hỗ trợ đúng theo Đề án để việc triển khai, thực hiện được thuận lợi, hoàn thành công tác hỗ trợ xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn tỉnh, góp phần thoát nghèo bền vững, nâng cao chất lượng cuộc sống, đảm bảo an sinh xã hội;

- Trong thời gian chờ chính sách mới của Trung ương, UBND tỉnh nghiên cứu xây dựng chính sách hỗ trợ 20% mức học bổng cho học sinh trường PTDTNT để đạt 100% mức lương cơ sở vì mức học bổng như hiện nay là rất thấp không đảm bảo nhu cầu dinh dưỡng, phát triển thể chất cho học sinh; Tiếp tục có những đề xuất, kiến nghị đến Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương để bổ sung, sửa đổi các chế độ, chính sách đối với giáo viên, học sinh, cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn để phù hợp với tình hình thực tế.

II. ĐỐI VỚI MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2023

Ban Dân tộc HĐND tỉnh cơ bản nhất trí với mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển kinh tế - xã hội năm 2023, Ban đề nghị UBND tỉnh trong quá trình chỉ đạo, điều hành cần quan tâm một số nhiệm vụ, giải pháp trong lĩnh vực dân tộc cụ thể như sau:

1. UBND tỉnh tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp đồng bộ quyết liệt, kinh bản điều hành chỉ đạo các sở, ngành, UBND các huyện, Thành phố tổ chức thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 theo Nghị quyết của HĐND tỉnh. Đặc biệt, quan tâm các nhiệm vụ giải pháp khôi phục các chỉ tiêu trong năm 2022 còn đạt thấp.

2. Triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2045 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng theo Kế hoạch số 890/KH-UBND tỉnh Cao Bằng, ngày 15 tháng 4 năm 2022; Chỉ đạo UBND các huyện, Thành phố: Phối hợp chặt chẽ với các sở, ngành liên quan tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các Dự án, Tiểu dự án theo nhiệm vụ được phân công. Chỉ đạo ngành chuyên môn, UBND các xã, thị trấn tổ chức rà soát và xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện một số nhiệm vụ tập trung cho giai đoạn 2021 - 2025 vùng đồng bào DTTS. Tăng cường kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện đầu tư các Dự án trên địa bàn, đồng thời, nâng cao chất lượng công tác thẩm định theo phân cấp. Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền ở vùng đồng bào DTTS, tạo sự đồng thuận trong nhân dân để thực hiện hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình đã đề ra.

3. Có giải pháp điều hành, quản lý thị trường, đảm bảo nguồn cung phục vụ nhu cầu đời sống sản xuất của người dân; có cơ chế chính sách cấp phép khai thác các mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường để triển khai, thực hiện các công trình dự án thuộc chương trình MTQG tại các địa phương.

4. Chỉ đạo Ban Dân tộc tỉnh: Tăng cường công tác nắm tình hình địa bàn vùng

DTTS&MN: Thường xuyên theo dõi, nắm bắt tình hình đời sống, kinh tế, văn hóa, xã hội vùng DTTS; phối hợp nắm bắt, khắc phục kịp thời thiệt hại do thiên tai, biến đổi khí hậu, dịch bệnh xảy ra ở vùng DTTS; chủ động nắm bắt tình hình các địa bàn nhạy cảm về an ninh trật tự không để xảy ra các điểm nóng, phức tạp. Tổ chức các kiểm tra, giám sát, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, giải quyết kiến nghị của các địa phương trong quá trình triển khai thực hiện chính sách dân tộc. Triển khai kịp thời các chủ trương, chính sách mới ban hành; đảm bảo chủ trương, chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước đi vào cuộc sống. Chủ động tham mưu cho Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành cơ chế chính sách đặc thù phù hợp với thực tiễn của địa phương trong việc triển khai thực hiện chính sách, pháp luật của nhà nước về công tác dân tộc.

5. Tiếp tục chỉ đạo Ban Dân tộc tỉnh, các sở, ngành liên quan phối hợp chặt chẽ với UBND các huyện, thành phố rà soát các nội dung kiến nghị sau giám sát, thẩm tra, một số văn bản đề nghị của Ban Dân tộc HĐND tỉnh để thực hiện có hiệu quả chính sách dân tộc và công tác dân tộc. Thực hiện đồng bộ các giải pháp để khắc phục những hạn chế, tồn tại trong công tác tham mưu, phối hợp, kiểm tra, tổng kết đánh giá việc thực hiện chính sách dân tộc và công tác dân tộc.

6. Chú trọng xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực trong hệ thống cơ quan làm công tác dân tộc theo tinh thần Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 15/6/2016 của Chính phủ về đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, Quyết định số 402/QĐ-TTg ngày 14/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số trong thời kỳ mới, Quyết định số 771/QĐ-TTg ngày 26/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án "Bồi dưỡng kiến thức dân tộc đối với cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2018 - 2025".

7. Tiếp tục kiến nghị với Trung ương chính sách đặc thù ưu tiên tuyển dụng công chức, viên chức là người DTTS; quan tâm quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, tạo nguồn cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số đáp ứng yêu cầu trong thời kỳ mới; thực hiện tốt chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức ở vùng ĐBKK theo các quy định tại Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 của Chính phủ; Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày ngày 04/6/2021, Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg ngày 12/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Ủy ban Dân tộc.

8. Đề nghị bố trí nguồn lực địa phương để thực hiện các Đề án: thực hiện Quyết định 1048/QĐ-UBND ngày 19/6/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phê duyệt Đề án Đầu tư xây dựng các công trình cấp điện cho các xóm chưa có điện trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2020-2025; Đề án giao thông nông thôn; Đề án nông nghiệp thông minh tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2020 - 2025, tầm nhìn năm 2030; Chương trình Bố trí dân cư giai đoạn 2021- 2025 đã được Chính phủ phê duyệt...nhằm giải quyết những khó khăn, tồn tại của tỉnh.

9. Đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số trong công tác dân tộc theo Nghị quyết chuyên đề về công tác chuyển đổi số đến năm 2025 của Tỉnh ủy và Đề án Chuyển đổi số tỉnh Cao Bằng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 của Ủy ban nhân

dân tỉnh Cao Bằng.

10. Tiếp tục quán triệt, tuyên truyền, phổ biến để nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, địa phương đối với các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển vùng dân tộc thiểu số. Vận động đồng bào DTTS tự giác, tự lực xây dựng đời sống kinh tế, văn hóa ổn định vừa kế thừa giá trị truyền thống của dân tộc mình vừa thích ứng với giá trị hiện đại, văn minh, phát triển.

Trên đây là báo cáo thẩm tra của Ban Dân tộc HĐND tỉnh về Tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022, phương hướng nhiệm vụ năm 2023 (*lĩnh vực dân tộc*) trình kỳ họp thứ 11 HĐND tỉnh khóa XVII, nhiệm kỳ 2021-2026. Kính trình kỳ họp xem xét, thảo luận và quyết định./.

Nơi nhận:

- TT. HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Đại biểu tham dự kỳ họp;
- Lãnh đạo VP; Trưởng, Phó các phòng + CV phòng CT HĐND;
- Lưu: VT.

**TM. BAN DÂN TỘC
TRƯỞNG BAN**

Bàn Quý Sơn